

LỊCH HỌC NGÀNH CHỨNG CHỈ ĐIỀU DƯỠNG KHÓA 15 NĂM HỌC 2024-2025  
Tuần 1 từ ngày 28/7/2025 đến 3/8/2025

| LỚP      |       | CĐ ĐD 15A1                                       | CĐ ĐD 15A2                                       | CĐ ĐD 15A3                                       | CĐ ĐD 15A4                                       | CĐ ĐD 15A5                                                                  | CĐ ĐD 15A6                                                                  | CĐ ĐD 15A7                                       | CĐ ĐD 15A8 | CĐ ĐD 15A9                                     | CĐ ĐD 15A10                                    | CĐ ĐD 15B1<br>(Đức)                            | CĐ ĐD 15B2(Nhật)                               |
|----------|-------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| THỨ      | BUỔI  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             |                                                  |            |                                                |                                                |                                                |                                                |
| HAI      | Sáng  | ĐIỀU DƯỠNG NGOẠI KHOA 2 1/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG NGOẠI KHOA 2 1/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG NGOẠI KHOA 2 1/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG NGOẠI KHOA 2 1/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | THBV DỊCH TỄ HỌC VÀ CHĂM SÓC CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM (1/2) BV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | THBV DỊCH TỄ HỌC VÀ CHĂM SÓC CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM (1/2) BV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | Thi hết môn Pháp luật 9.00 HT 401                |            | ĐIỀU DƯỠNG NỘI KHOA 2 1/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG NỘI KHOA 2 1/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG NỘI KHOA 2 1/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG NỘI KHOA 2 1/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             | LT Hồi sức cấp cứu (1/3) Ths Hiền HT D1          |            |                                                |                                                |                                                |                                                |
| BA       | Sáng  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             | LT Điều dưỡng sản phụ khoa 1/6 Ths Vân Anh HT T6 |            |                                                |                                                |                                                |                                                |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             |                                                  |            |                                                |                                                |                                                |                                                |
| TƯ       | Sáng  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             | LT Điều dưỡng sản phụ khoa 2/6 Ths Nam HT T6     |            |                                                |                                                |                                                |                                                |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             |                                                  |            |                                                |                                                |                                                |                                                |
| NĂM      | Sáng  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             | LT Điều dưỡng Nhi 1/6BSCK2 Nhung HT T6           |            |                                                |                                                |                                                |                                                |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             |                                                  |            |                                                |                                                |                                                |                                                |
| SÁU      | Sáng  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             |                                                  |            |                                                |                                                |                                                |                                                |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             |                                                  |            |                                                |                                                |                                                |                                                |
| BẢY      | Sáng  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             |                                                  |            |                                                |                                                |                                                |                                                |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             |                                                  |            |                                                |                                                |                                                |                                                |
| CHỦ NHẬT | Sáng  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             |                                                  |            |                                                |                                                |                                                |                                                |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                                             |                                                                             |                                                  |            |                                                |                                                |                                                |                                                |

Người lập bảng

Phó Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Trương Thị Thu Thủy

Ts. Nguyễn Thu Hiền

LỊCH HỌC NGÀNH CHẨN ĐIỀU DƯỠNG KHÓA 15 NĂM HỌC 2024-2025  
Tuần 2 từ ngày 4/8/2025 đến 10/8/2025

| LỚP      |       | CĐ ĐD 15A1                                                      | CĐ ĐD 15A2                                                      | CĐ ĐD 15A3                                                      | CĐ ĐD 15A4                                                      | CĐ ĐD 15A5                                                                                             | CĐ ĐD 15A6                                                                                             | CĐ ĐD 15A7                                       | CĐ ĐD 15A8 | CĐ ĐD 15A9                                                 | CĐ ĐD 15A10                                                | CĐ ĐD 15B1<br>(Đức)                                        | CĐ ĐD 15B2(Nhật)                                           |
|----------|-------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| THỨ      | BUỔI  |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                        |                                                  |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |
| HAI      | Sáng  | ĐIỀU DƯỠNG<br>NGOẠI<br>KHOA 2 2/4<br>THBV ĐA<br>KHOA HÀ<br>ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG<br>NGOẠI<br>KHOA 2 2/4<br>THBV ĐA<br>KHOA HÀ<br>ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG<br>NGOẠI<br>KHOA 2 2/4<br>THBV ĐA<br>KHOA HÀ<br>ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG<br>NGOẠI<br>KHOA 2 2/4<br>THBV ĐA<br>KHOA HÀ<br>ĐÔNG | THBV<br>DỊCH TỄ<br>HỌC VÀ<br>CHĂM SÓC<br>CÁC BỆNH<br>TRUYỀN<br>NHIỄM<br>(2/2) BV ĐA<br>KHOA HÀ<br>ĐÔNG | THBV<br>DỊCH TỄ<br>HỌC VÀ<br>CHĂM SÓC<br>CÁC BỆNH<br>TRUYỀN<br>NHIỄM<br>(2/2) BV ĐA<br>KHOA HÀ<br>ĐÔNG | LT Điều dưỡng Nhi 2/6 Ths Kiên HT T6             |            | ĐIỀU DƯỠNG<br>NỘI KHOA<br>2 2/4 THBV<br>ĐA KHOA<br>HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG<br>NỘI KHOA<br>2 2/4 THBV<br>ĐA KHOA<br>HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG<br>NỘI KHOA<br>2 2/4 THBV<br>ĐA KHOA<br>HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG<br>NỘI KHOA<br>2 2/4 THBV<br>ĐA KHOA<br>HÀ ĐÔNG |
|          | Chiều |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                        | LT Hồi sức cấp cứu (2/3) Ths Hiền HT T6          |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |
| BA       | Sáng  |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                        | LT Điều dưỡng sản phụ khoa 3/6 Ths Vân Anh HT T6 |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |
|          | Chiều |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                        | LT Điều dưỡng Nhi 3/6 Ths Thúy HT T6             |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |
| TƯ       | Sáng  |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                        | LT Điều dưỡng sản phụ khoa 4/6 Ths Nam HT 301    |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |
|          | Chiều |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                        |                                                  |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |
| NĂM      | Sáng  |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                        | LT Điều dưỡng Nhi 4/6 Bs Hà HT 202               |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |
|          | Chiều |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                        |                                                  |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |
| SÁU      | Sáng  |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                        |                                                  |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |
|          | Chiều |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                        |                                                  |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |
| BẢY      | Sáng  |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 | Thi Dịch tễ học và CS các bệnh TN                                                                      |                                                                                                        |                                                  |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |
|          | Chiều |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                                                        | Thi Dịch tễ học và CS các bệnh TN                                                                      |                                                  |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |
| CHỦ NHẬT | Sáng  |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                        |                                                  |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |
|          | Chiều |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                        |                                                  |            |                                                            |                                                            |                                                            |                                                            |

Người lập bảng

Phó Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Trương Thị Thu Thủy

Ts. Nguyễn Thu Hiền

LỊCH HỌC NGÀNH CHỈ ĐUỠ DƯỠNG KHÓA 15 NĂM HỌC 2024-2025  
Tuần 3 từ ngày 11/8/2025 đến 17/8/2025

| LỚP      |       | CĐ ĐD 15A1                                       | CĐ ĐD 15A2                                       | CĐ ĐD 15A3                                       | CĐ ĐD 15A4                                       | CĐ ĐD 15A5                                       | CĐ ĐD 15A6 | CĐ ĐD 15A7                                                                  | CĐ ĐD 15A8                                                                  | CĐ ĐD 15A9                                     | CĐ ĐD 15A10                                    | CĐ ĐD 15B1<br>(Đức)                            | CĐ ĐD 15B2(Nhật)                               |
|----------|-------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| THỨ      | BUỔI  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |
| HAI      | Sáng  | ĐIỀU DƯỠNG NGOẠI KHOA 2 3/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG NGOẠI KHOA 2 3/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG NGOẠI KHOA 2 3/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG NGOẠI KHOA 2 3/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | Thi hết môn Pháp luật 9.00 HT 401                |            | THBV DỊCH TỄ HỌC VÀ CHĂM SÓC CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM (1/2) BV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | THBV DỊCH TỄ HỌC VÀ CHĂM SÓC CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM (1/2) BV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG NỘI KHOA 2 3/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG NỘI KHOA 2 3/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG NỘI KHOA 2 3/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG | ĐIỀU DƯỠNG NỘI KHOA 2 3/4 THBV ĐA KHOA HÀ ĐÔNG |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  | LT Hồi sức cấp cứu (1/3) Ths Hiền HT D2          |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |
| BA       | Sáng  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  | LT Điều dưỡng sản phụ khoa 1/6 Ths Vân Anh HT D1 |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  | LT Điều dưỡng Nhi 1/6 BSCK2 Nhung HT D2          |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |
| TƯ       | Sáng  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  | LT Điều dưỡng sản phụ khoa 2/6 Ths Nam HT 201    |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  | LT Điều dưỡng Nhi 2/6 Ths Kiên HT T6             |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |
| NĂM      | Sáng  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |
| SÁU      | Sáng  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |
| BẢY      | Sáng  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |
| CHỦ NHẬT | Sáng  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |
|          | Chiều |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |                                                  |            |                                                                             |                                                                             |                                                |                                                |                                                |                                                |

Người lập bảng

Phó Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Trương Thị Thu Thủy

Ts. Nguyễn Thu Hiền



| TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG |       | LỊCH HỌC NGÀNH CHẾ ĐỘ ĐIỀU DƯỠNG KHÓA 16 NĂM HỌC 2024-2025 |                                    |                                       |                                      |                                                |                                    |                                         |                                           |                                                |                                     |
|------------------------------|-------|------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------|
| PHÒNG ĐÀO TẠO & QLKH         |       | Tuần 1 từ ngày 28/7/2025 đến 3/8/2025                      |                                    |                                       |                                      |                                                |                                    |                                         |                                           |                                                |                                     |
| LỚP                          |       | CĐ ĐD 16A1                                                 | CĐ ĐD 16A2                         | CĐ ĐD 16A3                            | CĐ ĐD 16A4                           | CĐ ĐD 16A5                                     | CĐ ĐD 16A6                         | CĐ ĐD 16A7                              | CĐ ĐD 16A8                                | CĐ ĐD 16A9                                     | CĐ ĐD 16A10                         |
| THỨ                          | BUỔI  |                                                            |                                    |                                       |                                      |                                                |                                    |                                         |                                           |                                                |                                     |
| HAI                          | Sáng  | TH Tin học 11/15 Ths Việt PTH                              |                                    |                                       | Điều dưỡng CS2 (1/26)Ths Lan Anh PTH | LT Sinh lý bệnh (7/11) Ths Vân HT 301          |                                    |                                         | Điều dưỡng CS2 (1/26) CN Dung PTH         | Giáo dục thể chất (1/15) CN Lê Anh năng Nhà Đa |                                     |
|                              | Chiều |                                                            | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Thắm PTH |                                       |                                      | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Khánh PTH            |                                    | TH Hóa sinh 3/4 Ths Dung PTH            | (Lớp A16 cũ) TH Tin học 8/15 Ths Việt PTH |                                                | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Hương PTH |
| BA                           | Sáng  | TH Hóa sinh 1/4 Ths Liên PTH                               | TH Tin học 9/15 Ths Việt PTH       |                                       |                                      | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths Khánh PTH            | TH Tin học 12/15 Cn Dũng PTH       |                                         | TH Hóa sinh 3/4 Ths Dung PTH              | Tiếng anh cơ bản 24/28 Ths Thùy HT 302         |                                     |
|                              | Chiều | TH Tin học 12/15 Ths Việt PTH                              | TH Hóa sinh 1/4 Ths Liên PTH       | Tiếng anh cơ bản 27/28 Ths Bích HT D2 |                                      | TH Tin học 12/15 Cn Dũng PTH                   | TH Hóa sinh 3/4 Ths Dung PTH       | LT Sinh lý bệnh (6/11) Ths Thanh HT 302 |                                           | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Minh PTH             | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths Hợp PTH   |
| TƯ                           | Sáng  |                                                            | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths Thắm PTH | TH Hóa sinh 1/4 Ths Liên PTH          | TH Tin học 9/15 Ths Việt PTH         | TH Hóa sinh 3/4 Ths Dung PTH                   | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Linh PTH | Tiếng anh cơ bản 24/28 Ths Thùy HT 202  |                                           | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths Minh PTH             |                                     |
|                              | Chiều | TH Hóa sinh 2/4 Ths Dung PTH                               | TH Tin học 10/15 Ths Việt PTH      | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Thủy PTH    | TH Hóa sinh 1/4 Ths Liên PTH         | Tiếng anh cơ bản 24/28 Ths Hằng HT 302         |                                    | TH Tin học 12/15 Cn Dũng PTH            | Điều dưỡng CS2 (2/26) CN Dung PTH         | Tiếng anh cơ bản 25/28 Ths Thùy HT 202         |                                     |
| NH                           | Sáng  | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Phương PTH                       | TH Hóa sinh 2/4 Ths Dung PTH       | TH Tin học 9/15 Ths Việt PTH          |                                      | Giáo dục thể chất (1/15) CN Lê Anh năng Nhà Đa |                                    | Tiếng anh cơ bản 25/28 Ths Thùy HT D2   |                                           | TH Hóa sinh 1/4 Ths Liên PTH                   | Dược lý (1/11) DS CK2 Hiền HT T6    |
|                              | Chiều |                                                            | TH Tin học 11/15 Ths Việt PTH      | Tiếng anh cơ bản 28/28 Ths Bích HT D2 |                                      | Tiếng anh cơ bản 25/28 Ths Hằng HT 301         |                                    | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 13.30      | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 15.30        | Dược lý (1/11) DS CK2 Hiền HT T6               | TH Hóa sinh 1/4 Ths Liên PTH        |
| SÁU                          | Sáng  | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths Phương PTH                       |                                    | TH Tin học 10/15 Ths Việt PTH         | Dược lý (1/11) Ds Nga PTH            | LT Sinh lý bệnh (8/11) Ths Vân HT D2           |                                    | TH Tin học 13/15 Cn Dũng PTH            |                                           |                                                |                                     |
|                              | Chiều | LT Sinh lý bệnh (7/11) Ths Thanh HT D1                     |                                    | Dược lý (1/11) Ds Nga PTH             | Điều dưỡng CS2 (2/26)Ths Lan Anh PTH | TH Tin học 13/15 Cn Dũng PTH                   | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths Linh PTH | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Quỳnh PTH     | (Lớp A16 cũ) TH Tin học 9/15 Ths Việt PTH |                                                |                                     |
| BẢY                          | Sáng  | Dược lý (1/11) Ds Hiền HT D2                               |                                    | TH Hóa sinh 2/4 Ths Dung PTH          |                                      |                                                |                                    |                                         |                                           | LT Sinh lý bệnh (7/11) Ths Thanh HT D1         |                                     |
|                              | Chiều |                                                            | Dược lý (1/11) Ds Hiền HT D2       |                                       | TH Hóa sinh 2/4 Ths Dung PTH         |                                                |                                    | LT Sinh lý bệnh (7/11) Ths Thanh HT D1  |                                           |                                                |                                     |
| CHỦ NHẬT                     | Sáng  |                                                            |                                    |                                       |                                      | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 7.30              | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 9.30  |                                         |                                           |                                                |                                     |
|                              | Chiều |                                                            |                                    |                                       |                                      |                                                |                                    |                                         |                                           |                                                |                                     |

Người lập bảng

Phó Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Trương Thị Thu Thủy

Ts. Nguyễn Thu Hiền

| TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG |       | LỊCH HỌC NGÀNH CHĂM ĐỀU DƯỠNG KHÓA 16 NĂM HỌC 2024-2025 |                                       |                                                   |                                         |                                                   |                                       |                                                   |                                               |                                        |                                      |
|------------------------------|-------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|
| PHÒNG ĐÀO TẠO & QLKH         |       | Tuần 2 từ ngày 4/8/2025 đến 10/8/2025                   |                                       |                                                   |                                         |                                                   |                                       |                                                   |                                               |                                        |                                      |
| LỚP                          |       | CHĐ ĐD 16A1                                             | CHĐ ĐD 16A2                           | CHĐ ĐD 16A3                                       | CHĐ ĐD 16A4                             | CHĐ ĐD 16A5                                       | CHĐ ĐD 16A6                           | CHĐ ĐD 16A7                                       | CHĐ ĐD 16A8                                   | CHĐ ĐD 16A9                            | CHĐ ĐD 16A10                         |
| THỨ                          | BUỔI  |                                                         |                                       |                                                   |                                         |                                                   |                                       |                                                   |                                               |                                        |                                      |
| HAI                          | Sáng  |                                                         | Điều dưỡng CS2 (3/26)<br>Ths Thắm PTH | Điều dưỡng CS2 (2/26)<br>Ths Khánh PTH            | TH Tin học 10/15 Ths<br>Việt PTH        |                                                   | Điều dưỡng CS2 (3/26)<br>Ths Linh PTH | Giáo dục thể chất (1/15) CN Lê Anh<br>Nhà Đa năng |                                               | LT Sinh lý bệnh (8/11) Ths Thanh HT D1 |                                      |
|                              | Chiều | Thi hết môn Vi sinh 14.00 HT 401                        |                                       | Thi hết môn Vi sinh 14.30 HT 401                  |                                         | Thi hết môn Vi sinh 15.00 HT 401                  |                                       | Thi hết môn Vi sinh 15.30 HT 401                  |                                               | Thi hết môn Vi sinh 16.00 HT 401       |                                      |
| BA                           | Sáng  | TH Hóa sinh 3/4 Ths<br>Dung PTH                         |                                       | Giáo dục thể chất (1/15) CN Lê Anh<br>Nhà Đa năng |                                         | Điều dưỡng CS2 (3/26)<br>Ths Thủy PTH             |                                       |                                                   | (Lớp A16 cũ) TH Tin<br>học 10/15 Ths Việt PTH | Tiếng anh cơ bản 26/28 Ths Thùy HT D2  |                                      |
|                              | Chiều | Điều dưỡng CS2 (3/26)<br>Ths Phương PTH                 | TH Hóa sinh 3/4 Ths<br>Dung PTH       | TH Tin học 11/15 Ths<br>Việt PTH                  | Điều dưỡng CS2 (3/26)Ths<br>Lan Anh PTH |                                                   |                                       | LT Sinh lý bệnh (8/11) Ths Thanh HT D1            |                                               | Điều dưỡng CS2 (3/26)<br>Ths Minh PTH  |                                      |
| TƯ                           | Sáng  | TH Tin học 13/15 Ths<br>Việt PTH                        |                                       | TH Hóa sinh 3/4 Ths<br>Dung PTH                   |                                         | Giáo dục thể chất (2/15) CN Lê Anh<br>Nhà Đa năng |                                       | Tiếng anh cơ bản 26/28 Ths Thùy HT D2             |                                               |                                        | Điều dưỡng CS2 (3/26)<br>Ths Hợp PTH |
|                              | Chiều | LT Sinh lý bệnh (8/11) Ths Thanh HT D1                  |                                       | TH Tin học 12/15 Ths<br>Việt PTH                  | TH Hóa sinh 3/4 Ths<br>Dung PTH         | Tiếng anh cơ bản 26/28 Ths Hằng HT T6             |                                       | TH Tin học 14/15 Cn<br>Dũng PTH                   | (Lớp A16 cũ) TH Hóa sinh<br>1/4 Ths Liên PTH  | Tiếng anh cơ bản 27/28 Ths Thùy HT 301 |                                      |
| NH                           | Sáng  | Điều dưỡng CS2 (4/26)<br>Ths Phương PTH                 | TH Tin học 12/15 Ths<br>Việt PTH      |                                                   | Điều dưỡng CS2 (4/26)Ths<br>Lan Anh PTH | Điều dưỡng CS2 (4/26)<br>Ths Khánh PTH            |                                       | Tiếng anh cơ bản 27/28 Ths Thùy HT D2             |                                               | TH Hóa sinh 2/4 Ths<br>Dung PTH        | Dược lý (2/11) DS CK2<br>Hiên HT 201 |
|                              | Chiều | TH Tin học 14/15 Ths<br>Việt PTH                        | Điều dưỡng CS2 (4/26)<br>Ths Thắm PTH | LT Sinh lý bệnh (9/11) Ths Thanh HT 202           |                                         | Tiếng anh cơ bản 27/28 Ths Hằng HT D2             |                                       | Điều dưỡng CS2 (2/26)<br>Ths Quỳnh PTH            | TH Tin học 11/15 Cn<br>Dũng PTH               | Dược lý (2/11) DS CK2<br>Hiên HT 201   | TH Hóa sinh 2/4 Ths<br>Dung PTH      |
| SÁU                          | Sáng  |                                                         |                                       | Điều dưỡng CS2 (3/26)<br>Ths Thủy PTH             | Dược lý (2/11) Ds Nga<br>PTH            | LT Sinh lý bệnh (9/11) Ths Văn HT D2              |                                       | TH Tin học 15/15 Cn<br>Dũng PTH                   |                                               | Điều dưỡng CS2 (4/26)<br>Ths Minh PTH  |                                      |
|                              | Chiều |                                                         |                                       | Dược lý (2/11) Ds Nga<br>PTH                      |                                         | TH Tin học 14/15 Cn<br>Dũng PTH                   | Điều dưỡng CS2 (4/26)<br>Ths Linh PTH |                                                   | Điều dưỡng CS2 (3/26)<br>CN Dung PTH          |                                        | Điều dưỡng CS2 (4/26)<br>Ths Hợp PTH |
| BẢY                          | Sáng  | Dược lý (2/11) Ds Hiên<br>HT T6                         |                                       |                                                   |                                         |                                                   |                                       |                                                   |                                               |                                        |                                      |
|                              | Chiều |                                                         | Dược lý (2/11) Ds Hiên<br>HT T6       |                                                   |                                         |                                                   |                                       |                                                   |                                               |                                        |                                      |
| CHỦ NHẬT                     | Sáng  |                                                         |                                       |                                                   |                                         |                                                   |                                       |                                                   | (Lớp A16 cũ) TH Hóa sinh<br>2/4 Ths Dung PTH  |                                        |                                      |
|                              | Chiều |                                                         |                                       |                                                   |                                         |                                                   |                                       |                                                   |                                               |                                        |                                      |

Người lập bảng

Phó Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Trương Thị Thu Thủy

Ts. Nguyễn Thu Hiền

| TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG |       | LỊCH HỌC NGÀNH CHĂM ĐỀU DƯỠNG KHÓA 16 NĂM HỌC 2024-2025 |                                    |                                                |                                       |                                        |                                    |                                        |                                           |                                                |                                  |
|------------------------------|-------|---------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|
| PHÒNG ĐÀO TẠO & QLKH         |       | Tuần 3 từ ngày 11/8/2025 đến 17/8/2025                  |                                    |                                                |                                       |                                        |                                    |                                        |                                           |                                                |                                  |
| LỚP                          |       | CHĐ ĐD 16A1                                             | CHĐ ĐD 16A2                        | CHĐ ĐD 16A3                                    | CHĐ ĐD 16A4                           | CHĐ ĐD 16A5                            | CHĐ ĐD 16A6                        | CHĐ ĐD 16A7                            | CHĐ ĐD 16A8                               | CHĐ ĐD 16A9                                    | CHĐ ĐD 16A10                     |
| THỨ                          | BUỔI  |                                                         |                                    |                                                |                                       |                                        |                                    |                                        |                                           |                                                |                                  |
| HAI                          | Sáng  | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 7.30                       | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 9.30  |                                                |                                       | LT Sinh lý bệnh (10/11) Ths Vân HT 302 |                                    |                                        |                                           | LT Sinh lý bệnh (9/11) Ths Thanh HT D2         |                                  |
|                              | Chiều | TH Tin học 15/15 Ths Việt PTH                           |                                    | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 13.30             | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 15.30    |                                        |                                    | LT Sinh lý bệnh (9/11) Ths Thanh HT D1 |                                           |                                                |                                  |
| BA                           | Sáng  |                                                         |                                    | TH Tin học 13/15 Ths Việt PTH                  |                                       |                                        |                                    |                                        |                                           | Tiếng anh cơ bản 28/28 Ths Thùy HT T6          |                                  |
|                              | Chiều | LT Sinh lý bệnh (9/11) Ths Thanh HT D1                  |                                    |                                                | TH Tin học 11/15 Ths Việt PTH         | Điều dưỡng CS2 (5/26) Ths Khánh PTH    | Điều dưỡng CS2 (5/26) Ths Linh PTH |                                        |                                           |                                                |                                  |
| TƯ                           | Sáng  | Điều dưỡng CS2 (5/26) Ths Phương PTH                    | TH Tin học 13/15 Ths Việt PTH      | LT Sinh lý bệnh (10/11) Ths Thanh HT D2        |                                       | Tiếng anh cơ bản 28/28 Ths Hằng HT 302 |                                    | Tiếng anh cơ bản 28/28 Ths Thùy HT 301 |                                           | TH Hóa sinh 3/4 Ths Dung PTH                   | Điều dưỡng CS2 (5/26) Ts Hợp PTH |
|                              | Chiều |                                                         |                                    | TH Tin học 14/15 Ths Việt PTH                  |                                       | TH Tin học 15/15 Cn Dũng PTH           |                                    | Điều dưỡng CS2 (3/26) Ths Quỳnh PTH    | Điều dưỡng CS2 (4/26) Cn Dung PTH         |                                                | TH Hóa sinh 3/4 Ths Dung PTH     |
| NH                           | Sáng  | Giáo dục thể chất (1/15) CN Lê Anh Đa năng Nhà          |                                    |                                                | TH Tin học 12/15 Ths Việt PTH         |                                        |                                    |                                        |                                           |                                                | Dược lý (3/11) DS CK2 Hiền HT T6 |
|                              | Chiều |                                                         | TH Tin học 14/15 Ths Việt PTH      | Điều dưỡng CS2 (4/26) Ths Thùy PTH             | Điều dưỡng CS2 (5/26) Ths Lan Anh PTH |                                        |                                    |                                        | TH Tin học 12/15 Cn Dũng PTH              | Dược lý (3/11) DS CK2 Hiền HT T6               |                                  |
| SÁU                          | Sáng  |                                                         | Điều dưỡng CS2 (5/26) Ths Thảo PTH |                                                | Dược lý (3/11) Ds Nga PTH             |                                        | TH Tin học 13/15 Cn Dũng PTH       |                                        | (Lớp A16 cũ) TH Hóa sinh 3/4 Ths Dung PTH | Giáo dục thể chất (2/15) CN Lê Anh Đa năng Nhà |                                  |
|                              | Chiều | LT Sinh lý bệnh (10/11) Ths Thanh HT D2                 |                                    |                                                | Dược lý (3/11) Ds Nga PTH             |                                        |                                    |                                        | TH Tin học 13/15 Cn Dũng PTH              | Điều dưỡng CS2 (5/26) Ths Minh PTH             | Điều dưỡng CS2 (6/26) Ts Hợp PTH |
| BẢY                          | Sáng  | Dược lý (3/11) Ds Hiền HT T6                            |                                    | Giáo dục thể chất (2/15) CN Lê Anh Đa năng Nhà |                                       |                                        |                                    |                                        |                                           |                                                |                                  |
|                              | Chiều |                                                         | Dược lý (3/11) Ds Hiền HT T6       |                                                |                                       |                                        |                                    |                                        |                                           |                                                |                                  |
| CHỦ NHẬT                     | Sáng  |                                                         |                                    |                                                |                                       |                                        |                                    |                                        |                                           |                                                |                                  |
|                              | Chiều |                                                         |                                    |                                                |                                       |                                        |                                    |                                        |                                           |                                                |                                  |

Người lập bảng

Phó Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Trương Thị Thu Thủy

Ts. Nguyễn Thu Hiền

| TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG |       | LỊCH HỌC NGÀNH CHĂM ĐỀU DƯỠNG KHÓA 16 NĂM HỌC 2024-2025 |                                    |                                                |                                       |                                            |                                     |                                                |                                                |                                                |                                    |
|------------------------------|-------|---------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------|
| PHÒNG ĐÀO TẠO & QLKH         |       | Tuần 4 từ ngày 18/8/2025 đến 24/8/2025                  |                                    |                                                |                                       |                                            |                                     |                                                |                                                |                                                |                                    |
| LỚP                          |       | CHĐ ĐD 16A1                                             | CHĐ ĐD 16A2                        | CHĐ ĐD 16A3                                    | CHĐ ĐD 16A4                           | CHĐ ĐD 16A5                                | CHĐ ĐD 16A6                         | CHĐ ĐD 16A7                                    | CHĐ ĐD 16A8                                    | CHĐ ĐD 16A9                                    | CHĐ ĐD 16A10                       |
| THỨ                          | BUỔI  |                                                         |                                    |                                                |                                       |                                            |                                     |                                                |                                                |                                                |                                    |
| HAI                          | Sáng  | Thi hết môn Tiếng Anh cơ bản 8.00 HT 401                |                                    | Thi hết môn Tiếng Anh cơ bản 8.45 HT 401       |                                       | Thi hết môn Tiếng Anh cơ bản 9.30 HT 401   |                                     | Thi hết môn Tiếng Anh cơ bản 10.15 HT 401      |                                                | Giáo dục thể chất (3/15) CN Lê Anh Đa năng Nhà |                                    |
|                              | Chiều | LT Sinh lý bệnh (11/11) Ths Thanh HT D2 13.30           |                                    | LT Sinh lý bệnh (11/11) Ths Thanh HT D2 15.30  |                                       | Điều dưỡng CS2 (6/26) Ths Hương PTH        | Điều dưỡng CS2 (6/26) Ths Quỳnh PTH |                                                | TH Tin học 14/15 Cn Dũng PTH                   |                                                |                                    |
| BA                           | Sáng  | Giáo dục thể chất (2/15) CN Lê Anh Đa năng Nhà          |                                    | Sức khoẻ môi trường 2/11BsCk2 Hồng HT D1       |                                       |                                            | TH Tin học 14/15 Cn Dũng PTH        |                                                | (Lớp A16 cũ) TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 7.30 | Thi hết môn Tiếng Anh cơ bản 8.00 HT 401       |                                    |
|                              | Chiều |                                                         |                                    | Điều dưỡng CS2 (5/26) Ths Thủy PTH             | Điều dưỡng CS2 (6/26) Ths Lan Anh PTH | Sức khoẻ môi trường 3/11 Ths Tuyền HT 302  |                                     |                                                | TH Tin học 15/15 Cn Dũng PTH                   |                                                | Điều dưỡng CS2 (7/26) Ts Hợp PTH   |
| TƯ                           | Sáng  | Điều dưỡng CS2 (6/26) Ths Phương PTH                    | Điều dưỡng CS2 (6/26) Ths Thảo PTH |                                                |                                       |                                            | TH Tin học 15/15 Cn Dũng PTH        | LT Sinh lý bệnh (10/11) Ths Thanh HT D2        |                                                | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 13.30             | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 15.30 |
|                              | Chiều |                                                         |                                    |                                                | TH Tin học 13/15 Ths Việt PTH         |                                            |                                     | Sức khoẻ môi trường 2/11BsCk2 Hồng HT D1       |                                                | LT Sinh lý bệnh (10/11) Ths Thanh HT D2        |                                    |
| NH                           | Sáng  | Sức khoẻ môi trường 2/11BsCk2 Hồng HT 301               |                                    |                                                | TH Tin học 14/15 Ths Việt PTH         | LT Sinh lý bệnh (11/11) Ths Vân HT T6 7.30 |                                     | LT Sinh lý bệnh (11/11) Ths Thanh HT D2 7.30   |                                                | Dược lý (4/11) DS CK2 Hiền HT 201              |                                    |
|                              | Chiều |                                                         | TH Tin học 15/15 Ths Việt PTH      |                                                |                                       |                                            |                                     |                                                |                                                | Điều dưỡng CS2 (6/26) Ths Minh PTH             | Dược lý (4/11) DS CK2 Hiền HT T6   |
| SÁU                          | Sáng  | Sức khoẻ môi trường 3/11 Ths Tuyền HT D1                |                                    | TH Tin học 15/15 Ths Việt PTH                  | Dược lý (4/11) Ds Nga PTH             |                                            |                                     | Giáo dục thể chất (2/15) CN Lê Anh Đa năng Nhà |                                                | LT Sinh lý bệnh (11/11) Ths Thanh HT D2 7.30   |                                    |
|                              | Chiều |                                                         |                                    | Dược lý (4/11) Ds Nga PTH                      | TH Tin học 15/15 Ths Việt PTH         | Sức khoẻ môi trường 4/11BsCk2 Hồng HT D1   |                                     | Điều dưỡng CS2 (4/26) Ths Linh PTH             | Điều dưỡng CS2 (5/26) Cn Dung PTH              |                                                |                                    |
| BẢY                          | Sáng  | Dược lý (4/11) Ds Hiền HT T6                            |                                    | Giáo dục thể chất (3/15) CN Lê Anh Đa năng Nhà |                                       |                                            |                                     |                                                |                                                |                                                |                                    |
|                              | Chiều |                                                         | Dược lý (4/11) Ds Hiền HT T6       |                                                |                                       |                                            |                                     |                                                |                                                |                                                |                                    |
| CHỦ NHẬT                     | Sáng  |                                                         |                                    |                                                |                                       |                                            |                                     |                                                |                                                |                                                |                                    |
|                              | Chiều |                                                         |                                    |                                                |                                       |                                            |                                     |                                                |                                                |                                                |                                    |

Người lập bảng

Phó Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Trương Thị Thu Thủy

Ts. Nguyễn Thu Hiền



| TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG |       | LỊCH HỌC NGÀNH CHĂM ĐỀU DƯỠNG KHÓA 16, 17 NĂM HỌC 2024-2025 |                                           |                                                |                                     |                                                |                                     |                                                |                                        |                                            |
|------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------|
| PHÒNG ĐÀO TẠO & QLKH         |       | Tuần 1 từ ngày 28/7/2025 đến 3/8/2025                       |                                           |                                                |                                     |                                                |                                     |                                                |                                        |                                            |
| LỚP                          |       | CHĐ ĐD 16A11                                                | CHĐ ĐD 16A12                              | CHĐ ĐD 16A13                                   | CHĐ ĐD 16A14                        | CHĐ ĐD 16B1 (Đức)                              | CHĐ ĐD 16B2(Nhật)                   | CHĐ ĐD 16B3 (Đức)                              | CHĐ ĐD 16A15                           | CHĐ ĐD 17A1                                |
| THỨ                          | BUỔI  |                                                             |                                           |                                                |                                     |                                                |                                     |                                                |                                        |                                            |
| HAI                          | Sáng  | LT Sinh lý bệnh (8/11) Ths Thanh HT 302                     |                                           |                                                |                                     |                                                | TH Tin học 8/15 Ths Vân Anh PTH     | TH Hóa sinh 3/4 Ths Dung PTH                   | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Giang PTH    | LT Sinh học và DT (1/3) Ths Mai Anh HT 201 |
|                              | Chiều |                                                             | (Lớp A16 cũ) TH Tin học 8/15 Ths Việt PTH | Tiếng anh cơ bản 24/28 Ths Bích HT D2          |                                     | LT Sinh lý bệnh (7/11) Ths Thanh HT 302        |                                     | TH Tin học 11/15 Ths Vân Anh PTH               |                                        |                                            |
| BA                           | Sáng  | Tiếng anh cơ bản 26/28 Ths Nga HT 201                       |                                           | Giáo dục thể chất (1/15) CN Lê Anh năng Nhà Đa |                                     | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Giang PTH            |                                     | Dược lý (1/11) Ts Hiền HT D1                   |                                        |                                            |
|                              | Chiều |                                                             |                                           |                                                | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Giang PTH | Tiếng Đức HT D1                                |                                     | Tiếng Đức HT D1                                |                                        |                                            |
| TU                           | Sáng  | Giáo dục thể chất (1/15) CN Lê Anh năng Nhà Đa              |                                           | TH Tin học 11/15 Ths Vân Anh PTH               |                                     | Dược lý (1/11) Ths Vân HT 201                  |                                     | LT Sinh lý bệnh (7/11) Ths Vân HT 302          | Tiếng anh cơ bản 24/28 Ths Hằng HT 301 |                                            |
|                              | Chiều | Tiếng anh cơ bản 27/28 Ths Nga HT 201                       |                                           | Tiếng anh cơ bản 25/28 Ths Bích HT D2          |                                     |                                                | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Giang PTH |                                                | LT Sinh lý bệnh (8/11) Ths Thanh HT D1 |                                            |
| NĂM                          | Sáng  | Tiếng anh cơ bản 28/28 Ths Nga HT 202                       |                                           | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Khánh PTH            |                                     | TH Tin học 8/15 Ths Vân Anh PTH                | Dược lý (1/11) Ths Vân HT 301       | Dược lý (2/11) Ts Hiền HT D1                   | Tiếng anh cơ bản 25/28 Ths Hằng HT 302 | LT Sinh học và DT (2/3) Ths Mai Anh HT 201 |
|                              | Chiều | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Hải PTH                           | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Hợp PTH         | LT Sinh lý bệnh (7/11) Ths Thanh HT D1         |                                     |                                                |                                     | LT Sinh lý bệnh (8/11) Ths Vân HT 302          |                                        |                                            |
| SÁU                          | Sáng  | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths Hải PTH                           | Dược lý (1/11) Ths Nga HT 202             |                                                |                                     | Giáo dục thể chất (1/15) CN Lê Anh năng Nhà Đa |                                     | Điều dưỡng CS2 (1/26) Ths Giang PTH            | Dược lý (1/11) Ts Hiền HT D1           | LT Sinh học và DT (3/3) Ths Mai Anh HT 201 |
|                              | Chiều | Dược lý (1/11) Ths Nga HT 202                               | (Lớp A16 cũ) TH Tin học 9/15 Ths Việt PTH |                                                |                                     | Tiếng Đức HT D2                                |                                     | Tiếng Đức HT D2                                |                                        | Chính trị (1/16) Ths Hằng HT 201           |
| BẢY                          | Sáng  |                                                             |                                           |                                                | TH Tin học 11/15 Ths Vân Anh PTH    |                                                |                                     | Giáo dục thể chất (1/15) CN Lê Anh năng Nhà Đa |                                        |                                            |
|                              | Chiều |                                                             |                                           |                                                |                                     |                                                |                                     |                                                | TH Tin học 9/15 Ths Vân Anh PTH        |                                            |
| CHỦ NHẬT                     | Sáng  |                                                             |                                           |                                                |                                     |                                                |                                     | TH Tin học 12/15 Ths Vân Anh PTH               |                                        |                                            |
|                              | Chiều |                                                             |                                           |                                                |                                     |                                                |                                     | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 13.30             | TH Tin học 10/15 Ths Vân Anh PTH       |                                            |

Người lập bảng

Phó Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Trương Thị Thu Thủy

Ts. Nguyễn Thu Hiền

| TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG |       | LỊCH HỌC NGÀNH CHĂM ĐỀU DƯỠNG KHÓA 16 NĂM HỌC 2024-2025 |                                            |                                        |                                     |                                                |                                     |                                                |                                         |                                         |
|------------------------------|-------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
| PHÒNG ĐÀO TẠO & QLKH         |       | Tuần 2 từ ngày 4/8/2025 đến 10/8/2025                   |                                            |                                        |                                     |                                                |                                     |                                                |                                         |                                         |
| LỚP                          |       | CH ĐD 16A11                                             | CH ĐD 16A12                                | CH ĐD 16A13                            | CH ĐD 16A14                         | CH ĐD 16B1 (Đức)                               | CH ĐD 16B2(Nhật)                    | CH ĐD 16B3 (Đức)                               | CH ĐD 16A15                             | CH ĐD 17A1                              |
| THỨ                          | BUỔI  |                                                         |                                            |                                        |                                     |                                                |                                     |                                                |                                         |                                         |
| HAI                          | Sáng  | Thi hết môn Vi sinh 8.00 HT 401                         |                                            | Thi hết môn Vi sinh 8.30 HT 401        |                                     | Thi hết môn Vi sinh 9.00 HT 401                |                                     | Thi hết môn Vi sinh 9.30 HT 401                |                                         |                                         |
|                              | Chiều | LT Sinh lý bệnh (9/11) Ths Thanh HT D1                  |                                            | Tiếng anh cơ bản 26/28 Ths Bích HT D2  |                                     | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths Giang PTH            |                                     |                                                | TH Tin học 11/15 Ths Vân Anh PTH        |                                         |
| BA                           | Sáng  | TH Hóa sinh 1/4 Ths Liên PTH                            | (Lớp A16 cũ) TH Tin học 10/15 Ths Việt PTH |                                        | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths Giang PTH |                                                |                                     | TH Tin học 13/15 Ths Vân Anh PTH               | Dược lý (2/11) Ts Hiền HT D1            |                                         |
|                              | Chiều |                                                         | TH Hóa sinh 1/4 Ths Liên PTH               | Tiếng anh cơ bản 27/28 Ths Bích HT D2  |                                     | Tiếng Đức HT 302                               | TH Tin học 9/15 Ths Vân Anh PTH     | Tiếng Đức HT 302                               |                                         |                                         |
| TU                           | Sáng  | Điều dưỡng CS2 (3/26) Ths Hải PTH                       | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths Hương PTH        | TH Hóa sinh 1/4 Ths Liên PTH           | TH Tin học 12/15 Ths Vân Anh PTH    | Dược lý (2/11) Ths Vân HT T6                   | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths Giang PTH | Dược lý (3/11) Ts Hiền HT D1                   | Tiếng anh cơ bản 26/28 Ths Hằng HT 302  |                                         |
|                              | Chiều |                                                         | Điều dưỡng CS2 (3/26) Ths Hương PTH        | Tiếng anh cơ bản 28/28 Ths Bích HT D2  |                                     | TH Hóa sinh 1/4 Ths Liên PTH                   |                                     |                                                | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths Giang PTH     |                                         |
| NĂM                          | Sáng  | Giáo dục thể chất (2/15) CN Lê Anh nấng Nhà Đa          |                                            |                                        | TH Hóa sinh 1/4 Ths Liên PTH        | TH Tin học 9/15 Ths Vân Anh PTH                | Dược lý (2/11) Ths Vân HT T6        | LT Sinh lý bệnh (9/11) Ths Vân HT D1           | Tiếng anh cơ bản 27/28 Ths Hằng HT 302  | TH Sinh học và DT (1/8) Ths Mai Anh PTH |
|                              | Chiều | Điều dưỡng CS2 (4/26) Ths Hải PTH                       | (Lớp A16 xũ) TH Tin học 11/15 Cn Dũng PTH  | Điều dưỡng CS2 (3/26) Ths Lan Anh PTH  |                                     | Tiếng Đức HT 302                               | TH Hóa sinh 1/4 Ths Liên PTH        | Tiếng Đức HT 302                               |                                         | Chính trị (2/16) Ths Hằng HT T6         |
| SÁU                          | Sáng  | TH Hóa sinh 2/4 Ths Dung PTH                            | Dược lý (2/11) Ths Nga HT T6               |                                        |                                     | Giáo dục thể chất (2/15) CN Lê Anh nấng Nhà Đa |                                     | TH Tin học 14/15 Ths Vân Anh PTH               | Dược lý (3/11) Ts Hiền HT D1            | TH Sinh học và DT (2/8) Ths Mai Anh PTH |
|                              | Chiều | Dược lý (2/11) Ths Nga HT D2                            | TH Hóa sinh 2/4 Ths Dung PTH               | LT Sinh lý bệnh (8/11) Ths Thanh HT D1 |                                     |                                                |                                     | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths Giang PTH            | TH Tin học 12/15 Ths Vân Anh PTH        | Chính trị (3/16) Ths Hằng HT T6         |
| BẢY                          | Sáng  |                                                         |                                            | TH Hóa sinh 2/4 Ths Dung PTH           | TH Tin học 13/15 Ths Vân Anh PTH    | LT Sinh lý bệnh (8/11) Ths Thanh online        |                                     | Giáo dục thể chất (2/15) CN Lê Anh nấng Nhà Đa |                                         |                                         |
|                              | Chiều |                                                         |                                            | TH Tin học 12/15 Ths Vân Anh PTH       | TH Hóa sinh 2/4 Ths Dung PTH        | TH Tin học 10/15 Ths Vân Anh PTH               |                                     |                                                | LT Sinh lý bệnh (9/11) Ths Thanh online |                                         |
| CHỦ NHẤT                     | Sáng  |                                                         |                                            |                                        |                                     | TH Hóa sinh 2/4 Ths Dung PTH                   | TH Tin học 10/15 Ths Vân Anh PTH    |                                                |                                         |                                         |
|                              | Chiều |                                                         |                                            |                                        |                                     |                                                | TH Hóa sinh 2/4 Ths Dung PTH        |                                                |                                         |                                         |

Người lập bảng

Phó Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Trương Thị Thu Thủy

Ts. Nguyễn Thu Hiền

| TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG |       | LỊCH HỌC NGÀNH CHĂM ĐỀU DƯỠNG KHÓA 16 NĂM HỌC 2024-2025 |                                              |                                                   |                                     |                                                   |                                      |                                          |                                            |                                            |
|------------------------------|-------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|
| PHÒNG ĐÀO TẠO & QLKH         |       | Tuần 3 từ ngày 11/8/2025 đến 17/8/2025                  |                                              |                                                   |                                     |                                                   |                                      |                                          |                                            |                                            |
| LỚP                          |       | CĐ ĐD 16A11                                             | CĐ ĐD 16A12                                  | CĐ ĐD 16A13                                       | CĐ ĐD 16A14                         | CĐ ĐD 16B1 (Đức)                                  | CĐ ĐD 16B2(Nhật)                     | CĐ ĐD 16B3 (Đức)                         | CĐ ĐD 16A15                                | CĐ ĐD 17A1                                 |
| THỨ                          | BUỔI  |                                                         |                                              |                                                   |                                     |                                                   |                                      |                                          |                                            |                                            |
| HAI                          | Sáng  | Giáo dục thể chất (3/15) CN Lê Anh<br>năng Nhà Đa       | TH Tin học 13/15 Ths Vân<br>Anh PTH          | Điều dưỡng CS2 (2/26) Ths<br>Lan Anh PTH          | Dược lý (3/11) Ths Vân HT<br>T6     |                                                   | Dược lý (4/11) Ts Hiền HT<br>D1      | Điều dưỡng CS2 (3/26) Ths<br>Linh PTH    |                                            |                                            |
|                              | Chiều | Điều dưỡng CS2 (5/26) Ths<br>Hải PTH                    | Điều dưỡng CS2 (4/26) Ths<br>Hương PTH       |                                                   | TH Tin học 14/15 Ths Vân<br>Anh PTH |                                                   |                                      |                                          |                                            |                                            |
| BA                           | Sáng  | TH Hóa sinh 3/4 Ths<br>Dung PTH                         |                                              | TH Tin học 14/15 Ths Vân<br>Anh PTH               |                                     | Giáo dục thể chất (3/15) CN Lê Anh<br>năng Nhà Đa |                                      | TH Hóa sinh 1/4 Ths<br>Liên PTH          |                                            |                                            |
|                              | Chiều |                                                         | TH Hóa sinh 3/4 Ths<br>Dung PTH              |                                                   |                                     | Tiếng Đức HT T6                                   | TH Tin học 11/15 Ths Vân<br>Anh PTH  | Tiếng Đức HT T6                          |                                            |                                            |
| TƯ                           | Sáng  |                                                         |                                              | Giáo dục thể chất (2/15) CN Lê Anh<br>năng Nhà Đa | TH Tin học 11/15 Ths Vân<br>Anh PTH | Dược lý (3/11) Ths Vân HT<br>T6                   | Dược lý (5/11) Ts Hiền HT<br>D1      |                                          |                                            |                                            |
|                              | Chiều | LT Sinh lý bệnh (10/11) Ths Thanh HT D1                 |                                              |                                                   |                                     | Điều dưỡng CS2 (3/26) Ths<br>Hương PTH            |                                      | Tiếng anh cơ bản 28/28 Ths<br>Hằng HT D2 |                                            |                                            |
| NĂM                          | Sáng  |                                                         |                                              | TH Hóa sinh 3/4 Ths<br>Dung PTH                   |                                     | LT Sinh lý bệnh (9/11) Ths Thanh HT D1            |                                      | LT Sinh lý bệnh (10/11)<br>Ths Vân HT D2 | TH Tin học 13/15 Ths Vân<br>Anh PTH        | TH Sinh học và DT (3/8)<br>Ths Mai Anh PTH |
|                              | Chiều |                                                         | (Lớp A16 xũ) TH Tin học<br>12/15 Cn Dũng PTH |                                                   | TH Hóa sinh 3/4 Ths<br>Dung PTH     | Tiếng Đức HT D2                                   | Điều dưỡng CS2 (3/26) Ths<br>Hải PTH | Tiếng Đức HT D2                          | LT Sinh lý bệnh (10/11)<br>Ths Thanh HT D1 |                                            |
| SÁU                          | Sáng  |                                                         | Dược lý (3/11) Ths Nga HT<br>T6              | LT Sinh lý bệnh (9/11) Ths Thanh HT D2            |                                     | TH Hóa sinh 3/4 Ths<br>Dung PTH                   | TH Tin học 12/15 Ths Vân<br>Anh PTH  | Điều dưỡng CS2 (3/26) Ths<br>Quỳnh PTH   | Dược lý (4/11) Ts Hiền HT<br>D1            | TH Sinh học và DT (4/8)<br>Ths Mai Anh PTH |
|                              | Chiều | Dược lý (3/11) Ths Nga HT<br>D1                         | (Lớp A16 xũ) TH Tin học<br>13/15 Cn Dũng PTH | Điều dưỡng CS2 (4/26) Ths<br>Thủy PTH             | TH Tin học 15/15 Ths Vân<br>Anh PTH |                                                   | TH Hóa sinh 3/4 Ths<br>Dung PTH      |                                          |                                            | Chính trị (4/16) Ths<br>Hằng HT T6         |
| BẢY                          | Sáng  |                                                         |                                              |                                                   |                                     | TH Tin học 12/15 Ths Vân<br>Anh PTH               |                                      |                                          | TH Hóa sinh 2/4 Ths<br>Dung PTH            |                                            |
|                              | Chiều |                                                         |                                              |                                                   |                                     |                                                   |                                      |                                          | TH Tin học 14/15 Ths Vân<br>Anh PTH        |                                            |
| CHỦ NHẬT                     | Sáng  |                                                         |                                              |                                                   |                                     |                                                   | TH Tin học 13/15 Ths Vân<br>Anh PTH  |                                          |                                            |                                            |
|                              | Chiều |                                                         |                                              |                                                   |                                     | TH Tin học 13/15 Ths Vân<br>Anh PTH               |                                      |                                          |                                            |                                            |

Người lập bảng

Phó Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Trương Thị Thu Thủy

Ts. Nguyễn Thu Hiền

| TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG |       | LỊCH HỌC NGÀNH CHĂM ĐỀU DƯỠNG KHÓA 16 NĂM HỌC 2024-2025 |                                           |                                                |                                     |                                              |                                    |                                            |                                              |                                         |
|------------------------------|-------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|
| PHÒNG ĐÀO TẠO & QLKH         |       | Tuần 4 từ ngày 18/8/2025 đến 24/8/2025                  |                                           |                                                |                                     |                                              |                                    |                                            |                                              |                                         |
| LỚP                          |       | CH ĐD 16A11                                             | CH ĐD 16A12                               | CH ĐD 16A13                                    | CH ĐD 16A14                         | CH ĐD 16B1 (Đức)                             | CH ĐD 16B2(Nhật)                   | CH ĐD 16B3 (Đức)                           | CH ĐD 16A15                                  | CH ĐD 17A1                              |
| THỨ                          | BUỔI  |                                                         |                                           |                                                |                                     |                                              |                                    |                                            |                                              |                                         |
| HAI                          | Sáng  | Điều dưỡng CS2 (6/26) Ths Hương PTH                     |                                           | TH Tin học 15/15 Ths Vân Anh PTH               | Điều dưỡng CS2 (4/26) Ths Khánh PTH | LT Sinh lý bệnh (10/11) Ths Thanh HT D2      |                                    | Dược lý (6/11) Ts Hiền HT D1               | TH Hóa sinh 3/4 Ths Dung PTH                 |                                         |
|                              | Chiều |                                                         | (Lớp A16 xù) TH Tin học 14/15 Cn Dũng PTH | Sức khoẻ môi trường 2/11 Ths Tuyền HT 301      |                                     | Tiếng Đức HT T6                              | TH Tin học 14/15 Ths Vân Anh PTH   |                                            |                                              |                                         |
| BA                           | Sáng  | Thi hết môn Tiếng Anh cơ bản 8.45 HT 401                |                                           | Thi hết môn Tiếng Anh cơ bản 9.30 HT 401       |                                     | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 7.30            | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 9.30  | TH Tin học 15/15 Ths Vân Anh PTH           | Thi hết môn Tiếng Anh cơ bản 10.15 HT 401    |                                         |
|                              | Chiều |                                                         | (Lớp A16 xù) TH Tin học 15/15 Cn Dũng PTH | LT Sinh lý bệnh (10/11) Ths Thanh HT D2        |                                     | TH Tin học 14/15 Ths Vân Anh PTH             |                                    | Tiếng Đức HT T6                            |                                              |                                         |
| TU                           | Sáng  |                                                         |                                           | Giáo dục thể chất (3/15) CN Lê Anh nấng Nhà Đa |                                     |                                              | Dược lý (4/11) Ths Vân HT T6       | Dược lý (7/11) Ts Hiền HT D1               | TH Tin học 15/15 Ths Vân Anh PTH             |                                         |
|                              | Chiều | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 13.30                      | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 15.30        |                                                |                                     | Điều dưỡng CS2 (4/26) Ts Hợp PTH             |                                    |                                            | Điều dưỡng CS2 (4/26) Ths Minh PTH           |                                         |
| NĂM                          | Sáng  | Giáo dục thể chất (4/15) CN Lê Anh nấng Nhà Đa          |                                           | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 13.30             | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 15.30  | LT Sinh lý bệnh (11/11) Ths Thanh HT D2 9.30 |                                    | LT Sinh lý bệnh (11/11) Ths Vân HT T6 9.30 | Dược lý (5/11) Ts Hiền HT D1                 | TH Sinh học và DT (5/8) Ths Mai Anh PTH |
|                              | Chiều |                                                         | Điều dưỡng CS2 (5/26) Ths Hải PTH         | Điều dưỡng CS2 (5/26) Cn Dung PTH              |                                     | Tiếng Đức HT D1                              |                                    | Tiếng Đức HT D1                            | TH Hóa sinh 4/4 Ths Dung PTH 13.30           |                                         |
| SÁU                          | Sáng  |                                                         | Dược lý (4/11) Ths Nga HT T6              |                                                |                                     | TH Tin học 15/15 Ths Vân Anh PTH             | Điều dưỡng CS2 (4/26) Ths Thẩm PTH | Điều dưỡng CS2 (4/26) Ths Linh PTH         | LT Sinh lý bệnh (11/11) Ths Thanh HT D2 9.30 | TH Sinh học và DT (6/8) Ths Mai Anh PTH |
|                              | Chiều | LT Sinh lý bệnh (11/11) Ths Thanh HT D2 13.30           |                                           | LT Sinh lý bệnh (11/11) Ths Thanh HT D2 15.30  |                                     |                                              | TH Tin học 15/15 Ths Vân Anh PTH   |                                            |                                              | Chính trị (5/16) Ths Hằng HT T6         |
| BẢY                          | Sáng  |                                                         |                                           |                                                |                                     |                                              |                                    |                                            |                                              |                                         |
|                              | Chiều |                                                         |                                           |                                                |                                     |                                              |                                    |                                            |                                              |                                         |
| CHỦ NHẬT                     | Sáng  |                                                         |                                           |                                                |                                     |                                              |                                    |                                            |                                              |                                         |
|                              | Chiều |                                                         |                                           |                                                |                                     |                                              |                                    |                                            |                                              |                                         |

Người lập bảng

Phó Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Trương Thị Thu Thủy

Ts. Nguyễn Thu Hiền